

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/KDTM-ST
Ngày: 13/07/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Phan Thị Dồn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24/05/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2022/QĐST-KDTM ngày 17/06/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, (văn bản ủy quyền lập ngày 02/3/2020).

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Đường C, Phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền lập ngày 29/6/2020), (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần tập đoàn S.

Địa chỉ: Đường K, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Văn C – Tổng giám đốc, (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Đình T, sinh năm: 1985, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/7/2020, bản tự khai ngày 12/03/2021 và trong quá trình xét xử, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V có cấp tín dụng cho Công ty cổ phần tập đoàn S (tên cũ là Công ty cổ phần Hăng sơn S) theo hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017, khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0299/HDHM/01 ngày 22/12/2017, số tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 25,8%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, mục đích vay để giải ngân tiền theo hợp đồng mua bán cho đối tác là Công ty TNHH TS và hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018, khế ước nhận nợ số MBD/H11/18/0128/HDHM/01 ngày 16/7/2018, số tiền vay 744.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 21,4%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh sản xuất sơn, vét ni và các chất sơn, quét tương tự. Khoản vay trên được bảo đảm bằng bảo lãnh toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê Đình T theo hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017 và hợp đồng bảo lãnh số MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty cổ phần tập đoàn S đã thanh toán bằng phương thức chuyển khoản cho Ngân hàng tổng cộng 525.986.503 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 440.476.807 đồng, trả nợ lãi là 85.509.696 đồng. Cụ thể: Theo khế ước nhận nợ số: DSA/Q11/17/0299/HDHM/01 ngày 22/12/2017, Công ty cổ phần tập đoàn S đã trả 442.988.644 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 378.476.807 đồng, trả nợ lãi là 64.511.837 đồng. Ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 20/09/2018. Theo khế ước nhận nợ số: MBD/H11/18/0128/HDHM-01 ngày 16/07/2018, Công ty cổ phần tập đoàn S đã trả 82.997.859 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 62.000.000 đồng, trả nợ lãi là 20.997.859. Ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 10/10/2018.

Sau đó thì Công ty cổ phần tập đoàn S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần liên hệ nhưng Công ty cổ phần tập đoàn S cố tình kéo dài thời gian trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay ông Nguyễn Ngọc L đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết:

Buộc Công ty cổ phần tập đoàn S trả ngay cho Ngân hàng TMCP V tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 13/07/2022 cụ thể:

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017, khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0299/HDHM/01 ngày 22/12/2017 là 312.132.025 đồng, trong đó vốn gốc 121.523.193 đồng, lãi trong hạn 7.077.876 đồng, lãi quá hạn 180.831.533 đồng, lãi chậm trả 2.699.423 đồng

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018, khế ước nhận nợ số MBD/H11/18/0128/HDHM/01 ngày 16/7/2018 là 1.584.727.820 đồng, trong đó vốn gốc 682.000.000 đồng, lãi trong hạn 28.336.829 đồng, lãi quá hạn 863.426.212 đồng, lãi chậm trả 10.964.779 đồng

Công ty cổ phần tập đoàn S tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên kể từ ngày 14/07/2022 cho đến ngày trả dứt nợ.

Trường hợp Công ty cổ phần tập đoàn S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì ông Lê Đình T có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017 và hợp đồng bảo lãnh số MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018.

Tại phiên Tòa, ông Nguyễn Ngọc L giữ nguyên yêu cầu như trên.

Công ty cổ phần tập đoàn S, ông Lê Đình T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng Công ty cổ phần tập đoàn S không cử người tham gia tố tụng, ông Lê Đình T vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty cổ phần tập đoàn S. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn có trụ sở tại địa bàn huyện B, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017, hợp đồng bảo lãnh số MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0314364512 thì ông Lê Đình T cung cấp thông tin địa chỉ của mình tại Ấp H, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng đối với ông T tại địa chỉ Ấp H, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần tập đoàn S, ông Lê Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần tập đoàn S được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5.1] Tòa án triệu tập Công ty cổ phần tập đoàn S, ông Lê Đình T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V nhưng Công ty cổ phần tập đoàn S không cử người tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, ông Lê Đình T không đến Tòa. Vì vậy, Công ty cổ phần tập đoàn S, ông Lê Đình T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[5.2] Căn cứ vào hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017, khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0299/HDHM/01 ngày 22/12/2017 và hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018, khế ước nhận nợ số MBD/H11/18/0128/HDHM/01 ngày 16/7/2018, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thì đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP V cấp tín dụng cho Công ty cổ phần tập đoàn S là 1.244.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng, thời hạn vay là 12 tháng đối với từng hợp đồng, mục đích vay để giải ngân tiền theo hợp đồng mua bán cho đối tác là Công ty TNHH TS và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh sản xuất sơn, vệt ni và các chất sơn, quét tương tự.

[5.3] Để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng này thì ông Lê Đình T có ký hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017 và hợp đồng bảo lãnh số MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018 đồng ý trả nợ thay cho Công ty cổ phần tập đoàn S khi Công ty cổ phần tập đoàn S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

[5.4] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần tập đoàn S đã trả cho Ngân hàng TMCP V bằng phương thức chuyển khoản số tiền nợ gốc 378.476.807 đồng, trả nợ lãi là 64.511.837 đồng đối với hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017 và trả tiền nợ gốc là 62.000.000 đồng, trả nợ lãi là 20.997.859 đối với hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018. Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cấp tín dụng thì thời hạn vay đã hết, Ngân hàng TMCP V đã thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 20/09/2018 đối với hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017 và ngày 10/10/2018 đối với hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018.

[5.5] Công ty cổ phần tập đoàn S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi nên Ngân hàng TMCP V chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn S trả toàn bộ số tiền vốn, lãi vay còn nợ theo hợp đồng cho vay hạn mức.

[5.6] Căn cứ vào hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017, khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0299/HDHM/01 ngày 22/12/2017 và hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018, khế ước nhận nợ số MBD/H11/18/0128/HDHM/01 ngày 16/7/2018, bảng kê chi tiết tính lãi, bảng tổng hợp dư nợ của Công ty cổ phần tập đoàn S tại phiên tòa hôm nay thì Ngân hàng TMCP V yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn S trả số tiền tính đến ngày 13/7/2022, cụ thể:

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017, khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0299/HDHM/01 ngày 22/12/2017 là 312.132.025 đồng, trong đó vốn gốc 121.523.193 đồng, lãi trong hạn 187.909.409 đồng, lãi quá hạn 187.909.409 đồng, lãi chậm trả 2.699.423 đồng

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018, khế ước nhận nợ số MBD/H11/18/0128/HDHM/01 ngày 16/7/2018 là 1.584.727.820 đồng, trong đó vốn gốc 682.000.000 đồng, lãi trong hạn 891.763.041 đồng, lãi quá hạn 891.763.041 đồng, lãi chậm trả 10.964.779 đồng, cộng với tiền lãi phát sinh tính từ ngày 14/7/2022 cho đến khi Công ty cổ phần tập đoàn S thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên là có cơ sở chấp nhận theo các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5.7] Xét yêu cầu ông Lê Đình T có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017 và hợp đồng bảo lãnh số MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018:

Tại Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017 thể hiện: “Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ - được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các nghĩa vụ khác – của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017.”

Tại Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017 thể hiện: “1. Các bên thống nhất thỏa thuận rằng bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a) bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng nêu tại Điều 1 của hợp đồng này”.

Tại Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018 thể hiện: “Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt,

các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng sau đây được ký kết giữa bên được bảo lãnh với bên ngân hàng: a) hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018”

Tại Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018 thể hiện: “1. Các bên thống nhất thỏa thuận rằng bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng như quy định tại Điều 1 hợp đồng này một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a) bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng nêu tại Điều 1 của hợp đồng này”.

Như vậy nội dung của Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017 và số MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018 đã quy định cụ thể phạm vi bảo lãnh và trách nhiệm bảo lãnh. Nội dung này phù hợp với Điều 335, 336 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về biện pháp đảm bảo bằng bảo lãnh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5.9] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và buộc Công ty cổ phần tập đoàn S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả theo hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017, khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0299/HDHM/01 ngày 22/12/2017 và hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018, khế ước nhận nợ số MBD/H11/18/0128/HDHM/01 ngày 16/7/2018, hợp đồng bảo lãnh để thu hồi nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 335, 336, 339, 342, 385, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP V:

1.1. Buộc Công ty cổ phần tập đoàn S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 13/07/2022 là 1.896.859.845 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó vốn gốc là 803.523.193 đồng, lãi trong hạn là 35.414.704 đồng, lãi quá hạn là 1.044.257.746 đồng, lãi chậm trả là 13.664.202 đồng, cụ thể:

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017, khế ước nhận nợ số DSA/Q11/17/0299/HDHM/01 ngày 22/12/2017 là 312.132.025 đồng, trong đó vốn gốc 121.523.193 đồng, lãi trong hạn 187.909.409 đồng, lãi quá hạn 187.909.409 đồng, lãi chậm trả 2.699.423 đồng.

Theo hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018, khế ước nhận nợ số MBD/H11/18/0128/HDHM/01 ngày 16/7/2018 là 1.584.727.820 đồng, trong đó vốn gốc 682.000.000 đồng, lãi trong hạn 891.763.041 đồng, lãi quá hạn 891.763.041 đồng, lãi chậm trả 10.964.779 đồng,

1.2. Kể từ ngày 14/07/2022, Công ty cổ phần tập đoàn S còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức số DSA/Q11/17/0299/HDHM ngày 19/12/2017 và hợp đồng cho vay hạn mức số MBD/H11/18/0128/HDHM ngày 16/7/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà Công ty cổ phần tập đoàn S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

1.3. Trường hợp Công ty cổ phần tập đoàn S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu ông Lê Đình T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn tất khoản nợ của Công ty cổ phần tập đoàn S đối với Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh số DSA/Q11/17/0299/HDBL ngày 19/12/2017 và số MBD/H11/18/0128/HDBL ngày 16/7/2018.

2. Về án phí:

2.1. Công ty cổ phần tập đoàn S chịu 68.905.795 đồng (sáu mươi tám triệu chín trăm lẻ năm ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.194.454 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0080022 ngày 27 tháng 08 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Lưới